TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 5 năm 2026
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: bà Vũ Thị Thanh Hương, ông Văn Tiến Vững

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến – Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 17/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Q, sinh năm 1986, có mặt

Nơi cư trú: Tổ C, khu A, phường T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Trần Thành M, sinh năm 1988, có mặt

Nơi cư trú: Thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 01 năm 2026, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Đặng Thị Q trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Thành M kết hôn ngày 07/7/2023 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, tỉnh Phú Thọ, trên cơ sở tự nguyện và được sự nhất trí của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn chị và anh M không về chung sống cùng nhau, chị vẫn ở nhà mẹ đẻ ở phường T, tỉnh Phú Thọ; anh M vẫn ở nhà anh M ở thôn T, xã V, tỉnh Phú Thọ. Tuy nhiên giữa hai vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung cả trong tình cảm, kinh tế, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Vợ chồng nhiều lần trao đổi nhưng tình cảm không được cải thiện. Từ tháng 5 năm 2025 thì giữa hai vợ chồng không nói chuyện với nhau. Hai vợ chồng cũng không gặp gỡ để hàn gắn tình cảm, những lần gặp gỡ chỉ là cãi vã. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thành T, sinh ngày 20/12/2023. Hiện cháu đang ở cùng chị. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp

nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Bị đơn anh Trần Thành M quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận trình bày của chị Q về thời gian kết hôn, quá trình sống chung và mâu thuẫn vợ chồng, cãi vã nhau là có. Tuy nhiên anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do kinh tế gia đình, chị Q liên tục yêu cầu anh phải nộp tiền nuôi con, trong khi hàng tháng anh đều có trách nhiệm gửi tiền cho chị Q đầy đủ; từ đó vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên, có lần còn xô xát với nhau. Từ tháng 7 năm 2025 đến nay giữa hai vợ chồng không nói chuyện với nhau. Anh nhiều lần đến tìm gặp chị Q để hàn gắn nhưng chị Q không đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì con chung vẫn còn nhỏ, anh đề nghị cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thành T, sinh ngày 20/12/2023. Hiện cháu đang ở cùng chị Q. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Nếu Tòa án giao con cho chị Q nuôi, anh đồng ý đóng góp nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Q. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho chị Đặng Thị Q được ly hôn anh Trần Thành M.

- Giao cho chị Đặng Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thành T, sinh ngày 20/12/2023. Anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q 2.000.000 đồng/01 tháng.

- Án phí: Chị Q, anh M phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đặng Thị Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Thành M. Bị đơn cư trú tại xã V, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Đặng Thị Q và anh Trần Thành M là hợp pháp, tiến bộ, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 05 năm 2025 đến nay. Bị đơn là anh M cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng, các bên cãi chửi nhau, nhắn tin xúc phạm nhau trên các nền tảng mạng xã hội, xô xát với nhau; cả hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; việc anh M xin đoàn tụ chỉ với mục đích để cùng nhau nuôi con chung vì cháu còn quá nhỏ.

Qua xem xét lời khai cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy quá trình chị Q, anh M chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài, từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q và anh M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Q được ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị Q, anh M xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thành T, sinh ngày 20/12/2023. Hiện cháu đang ở cùng chị Q. Ly hôn, chị Q anh M đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Chị Q đề nghị anh M cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/ tháng; anh M không đề nghị chị Q cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của các bên là chính đáng, cả hai bên đều có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cháu T hiện đang ở cùng chị Q, cháu phát triển tâm sinh lý bình thường và thuộc trường hợp con dưới 36 tháng tuổi. Do vậy cần giao cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T, cũng chấp nhận sự thỏa thuận về việc anh M phải đóng góp nuôi con chung cùng chị Q 2.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp.

Về tài sản, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Q, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 26 Luật thi hành án

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Q được ly hôn với anh Trần Thành M.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thành T, sinh ngày 20/12/2023 (hiện cháu T đang sống cùng chị Q). Anh Trần Thành M phải đóng góp nuôi con chung cùng chị Q là 2.000.000 đồng/01tháng, kể từ tháng 06/2026 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Q có yêu cầu thi hành án, nếu anh M không nộp đủ số tiền nuôi con theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng phải trả khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: 0000212 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Đặng Thị Q đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Thành M phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 10-Phú Thọ;*
- *THADS tỉnh Phú Thọ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND P Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thành Công

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Hoàng Minh Tuấn

Nguyễn Ngọc Triển Phùng Văn Thông

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM